

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ LONG KHÁNH  
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 52/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 21/8/2024

V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG KHÁNH TỈNH ĐỒNG NAI

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trương Thị Mỹ Lệ.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà Chu Hạ Uyên.
- Bà Lê Ngọc Lan

*Thư ký phiên tòa:* Bà Dương Bùi Minh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2024, tại Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 246/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1987

2. Bị đơn: Anh Trương Tấn P, sinh năm 1982.

Cùng địa chỉ: Tổ D, ấp R, xã B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 26/4/2024, các lời khai bổ sung nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Chị kết hôn với anh Trương Tấn P vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, đây là hôn nhân lần đầu của cả hai. Anh chị không có con chung.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc cho đến năm 2022 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh P đi làm công việc mới nên thay đổi tính tình, anh lạnh nhạt và không còn quan tâm thương yêu vợ, sự việc kéo dài nên vợ chồng không còn tình cảm. Chị bỏ nhà đi từ tháng 6 – 7/2023, sau đó cũng có quay về nhưng không thể bỏ qua để quay lại chung sống với nhau, thêm phần hai vợ chồng không có con nên không có gì ràng buộc, níu kéo nhau. Nay chị xác định chị không còn tình cảm với anh P nữa nên xin ly hôn. Anh, chị tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh chị không có nợ chung.

*Chứng cứ:* Căn cước công dân; tự khai; giấy chứng nhận kết hôn; đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt; đơn yêu cầu không hòa giải.

- *Tại bản tự khai, các lời khai bổ sung bị đơn anh Trương Tấn P trình bày:*

Anh thống nhất với lời trình bày của chị N về việc đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung. Về mâu thuẫn vợ chồng anh cho rằng vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2022, nguyên nhân do anh đi làm trong công ty có tiệc liên hoan chụp hình nắm tay với các đồng nghiệp, từ đó chị N giận và thay đổi thái độ, vợ chồng lạnh nhạt xa cách đến tháng 7/2023 thì chị N để lại lá thư bỏ nhà đi cho đến nay, anh đi tìm chị để khuyên giải nhưng chị không về và xin ly hôn. Nay anh xác định vẫn còn tình cảm với chị N nên không đồng ý ly hôn. Nếu ly hôn anh, chị tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh chị không có nợ chung. *Chứng cứ:* đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt, căn cước công dân.

- *Các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập:* Không có.

- *Ý kiến của kiểm sát viên:*

+ Về việc tuân theo pháp luật của Tòa án và đương sự trong việc giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Những người tham gia tố tụng cũng chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, chị N và anh P có đơn xin vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt anh chị là đúng quy định.

+ Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N, do mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng không còn khả năng hàn gắn. Anh chị tự giải quyết tài sản chung, anh chị không có nợ chung nên không xem xét. Chị N chịu án phí ly hôn theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị Nguyễn Thị N có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Trương Tấn P nên xác định chị N là nguyên đơn, anh P là bị đơn trong vụ án. Do chị N và anh P có đơn xin vắng mặt nên Tòa án căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh chị.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị N và anh Trương Tấn P có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Qua lời khai của anh chị thì thấy cuộc sống chung của vợ chồng có mâu thuẫn kéo dài từ năm 2022, đến tháng 7/2023 thì chị N đã bỏ nhà đi cho đến nay, trong thời gian đó anh P cũng đi tìm và cố gắng hoà giải nhưng không thành. Quá trình làm việc thì chị N xác định không còn tình cảm, không mong muốn tiếp tục chung sống với anh P nữa và kiên quyết xin ly hôn, Toà án đã hoà giải kéo dài nhưng không thành. Từ đó cho thấy giữa anh chị mục đích hôn nhân không đạt được, không còn khả năng hàn gắn nên chấp nhận cho chị N ly hôn với anh P.

[3] Về con chung: Anh chị không có con chung nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị **N** và anh **P** không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét

[5] Về nợ chung: Chị **N** và anh **P** khai không có nên không xem xét.

[6] Về án phí: Chị **N** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát **thành phố L** phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào các điều 28, 35, 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

#### ***Tuyên xử:***

- Về quan hệ hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị N** ly hôn anh **Trương Tấn P.**
- Về con chung: Chị **N** và anh **P** không có con chung nên không xem xét.
- Về tài sản chung: Chị **N** và anh **P** không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét
- Về nợ chung: Chị **N** và anh **P** khai không có nên không xem xét.
- Về án phí: Chị **Nguyễn Thị N** phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị **N** đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai theo biên lai thu số 0005237 ngày 02 tháng 5 năm 2024 thành tiền án phí, chị **N** đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung).

Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

#### ***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND TP. Long Khánh;
- Lưu án văn;
- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Thị Mỹ Lệ**